HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: /NQ-HĐND	*Hải Phòng, ngày tháng năm 2026*

DỰ THẢO

NGHỊ QUYẾT

Quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG
KHÓA XVII, KỲ HỌP THỨ…

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Đầu tư công ngày 29 tháng 11 năm 2024;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư theo phương thức đối tác công tư, Luật Hải quan, Luật Thuế giá trị gia tăng, Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu, Luật Đầu tư, Luật Đầu tư công, Luật Quản lý, sử dụng tài sản công ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 25 tháng 6 năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 202/2025/QH15 ngày 12 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội về sắp xếp đơn vị hành chính cấp tỉnh;

Căn cứ Nghị quyết số 1669/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của thành phố Hải Phòng năm 2025;

Căn cứ Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về sửa đổi, bổ sung một số điều của nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc

hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Nghị định số 187/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 7 năm 2025 của Chính phủ quy định sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 78/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp để tổ chức, hướng dẫn thi hành luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật và Nghị định số 79/2025/NĐ-CP ngày 01 tháng 4 năm 2025 của Chính phủ về kiểm tra, rà soát, hệ thống hóa và xử lý văn bản quy phạm pháp luật;

Căn cứ Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg ngày 18 tháng 4 năm 2026 của Thủ tướng Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030;

Căn cứ Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10 tháng 12 năm 2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về việc quy định nguyên tắc, tiêu chí, định mức bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách thành phố Hải Phòng cho ngân sách cấp xã giai đoạn 2026 – 2030;

Xét Tờ trình số /TTr-UBND ngày tháng năm 2026 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố quy định nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố Hải Phòng giai đoạn 2026-2030 thay thế Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Nghị quyết này quy định về các nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2026 - 2030 trên địa bàn thành phố Hải Phòng.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân các xã, phường, đặc khu và các đơn vị theo quy định của Luật Đầu tư công.

2. Cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân có liên quan đến xây dựng, lập, thẩm định, phân bổ, giao, triển khai, thực hiện kế hoạch đầu tư công trung hạn và hằng năm nguồn ngân sách Thành phố trong giai đoạn 2026 - 2030.

Điều 3. Nguyên tắc phân bổ vốn và thứ tự ưu tiên phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2026 – 2030

1. Nguyên tắc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2026 – 2030

a) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2026 - 2030 phải tuân thủ pháp luật về đầu tư công và ngân sách nhà nước; Quyết định số 18/2026/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Nghị quyết số 70/2025/UBTVQH15 ngày 07 tháng 02 năm 2025 được sửa đổi, bổ sung một số điều tại Nghị quyết số 120/2026/UBTVQH15 ngày 03 tháng 02 năm 2026 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách nhà nước giai đoạn 2026 – 2030, phù hợp với các quy định của Luật Đầu tư công, Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan và các văn bản pháp luật khác có liên quan;

b) Phù hợp với khả năng cân đối nguồn vốn đầu tư công từ ngân sách địa phương trong kế hoạch tài chính 05 năm giai đoạn 2026 - 2030, phù hợp với khả năng tài chính.

c) Tuân thủ thứ tự ưu tiên bố trí vốn theo quy định của pháp luật, bảo đảm hiệu quả đầu tư, công khai, minh bạch trong phân bổ vốn đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

d) Phân bổ theo ngành, lĩnh vực theo quy định của pháp luật về đầu tư công. Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách địa phương phải phục vụ cho việc thực hiện các mục tiêu, định hướng phát triển của địa phương, các quy hoạch được cấp có thẩm quyền quyết định hoặc phê duyệt, bảo đảm mục tiêu phát triển nhanh, bền vững, hài hòa giữa kinh tế và xã hội.

đ) Đối với nguồn vốn vay ODA và vốn vay ưu đãi nước ngoài, ưu tiên cho các dự án hạ tầng then chốt, đảm bảo cân đối giữa nhu cầu vay và khả năng trả nợ vay, khả năng hấp thụ vốn của các dự án.

e) Việc bố trí vốn kế hoạch cho chương trình, dự án khởi công mới phải đáp ứng các yêu cầu tại khoản 5 Điều 54 Luật Đầu tư công.

g) Việc phân bổ, quản lý và sử dụng vốn cho các dự án phải trên cơ sở hạch toán hiệu quả kinh tế - xã hội; đóng góp về an sinh xã hội, quốc phòng, an ninh, phù hợp với khả năng cân đối vốn và mức độ khả thi trong thực hiện. Phân bổ vốn tập trung, không phân tán, dàn trải, bảo đảm hiệu quả sử dụng vốn; giảm số lượng dự án tối thiểu 30% so với giai đoạn 2021 – 2025.

h) Số bổ sung có mục tiêu được tính toán một cách khoa học, công bằng, ổn định trên cơ sở các tiêu chí và định mức. Các địa phương (xã, phường, đặc khu) chịu trách nhiệm bố trí vốn bổ sung có mục tiêu cho các chương trình, dự án do địa phương quyết định chủ trương đầu tư và quyết định đầu tư theo nguyên tắc, thứ tự ưu tiên quy định tại Nghị quyết này, tạo điều kiện để thu hút tối đa các nguồn vốn khác cho đầu tư phát triển.

* Riêng đối với đặc khu Bạch Long Vĩ:

Theo Luật Tổ chức chính quyền địa phương: Đặc khu Bạch Long Vĩ không được thành lập Hội đồng nhân dân do có dân số dưới 1.000 người. Do đó, Ủy ban nhân dân đặc khu là cơ quan hành chính nhà nước, thực hiện vai trò của chính quyền địa phương tại đặc khu này.

Theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 322/2025/NĐ-CP ngày 16/12/2025 của Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn, tổ chức và hoạt động của Ủy ban nhân dân, Chủ tịch Ủy ban nhân dân, cơ quan chuyên môn, tổ chức hành chính khác thuộc Ủy ban nhân dân đặc khu trong trường hợp đặc thù, Ủy ban nhân dân đặc khu là một đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh. Theo đó, ngân sách đặc khu Bạch Long Vĩ không được xác định là một cấp ngân sách độc lập, mà là đơn vị dự toán thuộc ngân sách thành phố. Do vậy, việc thực hiện bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách đặc khu theo cơ chế phân cấp ngân sách giữa các cấp ngân sách không có cơ sở thực hiện đối với đặc khu Bạch Long Vĩ.

Trên cơ sở đó, đối với nguồn vốn bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã đã được bố trí tại Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND, thành phố sẽ thực hiện loại trừ phần vốn dự kiến phân bổ cho đặc khu Bạch Long Vĩ trong giai đoạn 2026-2030 để đảm bảo với quy định của pháp luật.

Ủy ban nhân dân đặc khu Bạch Long Vĩ là đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc ngân sách thành phố; kinh phí thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, các chương trình, dự án được bố trí trong dự toán ngân sách thành phố do Hội đồng nhân dân thành phố quyết định và Ủy ban nhân dân thành phố giao cho đặc khu Bạch Long Vĩ hằng năm.

i) Các địa phương chỉ bố trí vốn cho các chương trình, nhiệm vụ, dự án đủ điều kiện theo quy định của Luật Đầu tư công và các văn bản pháp luật có liên quan. Thời gian bố trí vốn thực hiện dự án phải bảo đảm theo quy định tại Điều 57 của Luật Đầu tư công số 58/2024/QH15, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 25 Điều 7 Luật số 90/2025/QH15.

k) Các địa phương đầu tư tập trung, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; bảo đảm không dàn trải, manh mún.

l) Bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng trong việc phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công, góp phần đẩy mạnh cải cách hành chính và tăng cường công tác phòng, chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí.

m) Bố trí vốn ngân sách thành phố để thực hiện bổ sung có mục tiêu cho từng chương trình, dự án cụ thể theo quy định của Luật Đầu tư công và Luật Ngân sách nhà nước và các quy định liên quan.

2. Thứ tự ưu tiên phân bổ vốn kế hoạch đầu tư công trung hạn nguồn ngân sách thành phố giai đoạn 2026-2030

a) Bố trí vốn cho dự án đầu tư công đặc biệt, dự án đầu tư công khẩn cấp, Chương trình mục tiêu quốc gia, dự án quan trọng quốc gia.

b) Bố trí đủ vốn để hoàn trả vốn ứng trước, dự án đã hoàn thành và bàn giao đưa vào sử dụng nhưng chưa bố trí đủ vốn, đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

c) Bố trí vốn cho các Chương trình, dự án sử dụng vốn ODA, vốn vay ưu đãi nước ngoài, bao gồm cả vốn đối ứng.

d) Đầu tư của Nhà nước tham gia thực hiện dự án PPP theo quy định của pháp luật về đầu tư theo phương thức đối tác công tư; bồi thường, chấm dứt hợp đồng dự án PPP trước hạn được cấp có thẩm quyền quyết định, chi trả phần giảm doanh thu các dự án PPP thuộc trách nhiệm của Nhà nước, thanh toán theo hợp đồng dự án BT bằng tiền.

đ) Bố trí vốn cho dự án chuyển tiếp hoàn thành trong kỳ kế hoạch.

e) Bố trí vốn cho dự án chuyển tiếp thực hiện theo tiến độ được phê duyệt.

g) Bố trí vốn cho nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ chuẩn bị đầu tư.

h) Bố trí vốn để thanh toán nợ đọng xây dựng cơ bản theo quy định của pháp luật về đầu tư công (nếu có).

i) Cấp bù lãi suất tín dụng ưu đãi, phí quản lý; cấp vốn điều lệ cho các ngân hàng chính sách, quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách; hỗ trợ đầu tư cho các

đối tượng khác theo quyết định của Chính phủ hoặc quyết định của Thủ tướng Chính phủ.

k) Bố trí vốn ngân sách địa phương để thực hiện các chính sách tín dụng ưu đãi thông qua Ngân hàng Chính sách xã hội theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố.

l) Bố trí vốn cho các dự án khởi công mới đáp ứng yêu cầu quy định của pháp luật về đầu tư công, trong đó ưu tiên bố trí vốn cho các nhiệm vụ, dự án trọng điểm theo Chương trình hành động của Ban Chấp hành Đảng bộ của thành phố thực hiện Nghị quyết Đại hội.

Điều 4. Nguyên tắc, tiêu chí và định mức phân bổ vốn đầu tư công ngân sách thành phố Hải Phòng bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã giai đoạn 2026-2030

1. Nguyên tắc bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã giai đoạn 2026-2030

a) Việc phân bổ vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố cho các xã, phường, đặc khu bảo đảm công khai, minh bạch, công bằng, có trọng tâm, trọng điểm, hiệu quả; ưu tiên đầu tư vào các công trình, dự án có tính chất kết nối liên vùng, liên tỉnh, liên xã và có tính lan tỏa, tạo động lực phát triển kinh tế - xã hội của xã, phường, đặc khu;

b) Ủy ban nhân dân thành phố chỉ giao tổng nguồn vốn đầu tư cho ngân sách xã, phường, đặc khu. Việc phân bổ vốn đầu tư công đã được thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu sau khi đã được thông qua Hội đồng nhân dân cùng cấp;

c) Ủy ban nhân dân xã, phường, đặc khu chịu trách nhiệm cân đối, bố trí vốn trong phạm vi tổng vốn đầu tư được giao; bố trí đủ vốn theo tiến độ thực hiện dự án, không được vượt thời hạn hoàn thành đối với từng nhóm dự án theo quy định và phải đảm bảo không để nợ đọng giá trị khối lượng hoàn thành theo đúng quy định của pháp luật về đầu tư công;

d) Các số liệu của các tiêu chí phân bổ cho từng xã, phường, đặc khu được xác định trên cơ sở của Niên giám Thống kê thành phố do Thống kê thành phố phát hành tại thời điểm gần nhất, dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn xã, phường, đặc khu theo phân cấp tại năm kế hoạch. Các số liệu cơ bản sẽ được giữ nguyên trong cả giai đoạn 2026-2030.

e) Trường hợp mức vốn bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách thành phố được xác định theo tiêu chí tính điểm lần này thấp hơn mức vốn đã được phân bổ theo Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND, thì giữ nguyên mức vốn theo Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND để bảo đảm ổn định nguồn vốn, không làm ảnh hưởng đến kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2026-2030 mà các xã, phường, đặc khu đã xây dựng.

Việc bổ sung các tiêu chí, định mức sẽ làm thay đổi số điểm của các địa phương, dẫn đến số vốn tương ứng cho các địa phương cũng sẽ có sự thay đổi, có địa phương tăng điểm, tăng vốn và có địa phương giảm điểm, giảm vốn. Tuy nhiên, đến nay thành phố đã thông báo dự kiến số bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách các địa phương, làm cơ sở cho việc duyệt chủ trương đầu tư, duyệt dự án và chuẩn bị giao kế hoạch đầu tư công trung hạn. Do đó, việc giảm vốn các địa phương là không phù hợp, sẽ gây khó khăn cho các địa phương. Việc tăng vốn các đơn vị vẫn đảm bảo, số vốn tăng các địa phương không kịp chuẩn bị chủ trương đầu tư trước khi giao trung hạn có thể để trong dự phòng kế hoạch đầu tư công trung hạn và quyết định sử dụng sau.

2. Tiêu chí bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã gồm 04 nhóm

a) Tiêu chí dân số trung bình.

b) Tiêu chí diện tích: Diện tích đất; Diện tích đất gieo trồng lúa; Tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương.

c) Tiêu chí trình độ phát triển: Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều; Tiêu chí dự toán thu ngân sách nhà nước theo phân cấp trên địa bàn.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đặc khu.

3. Cách tính điểm mỗi tiêu chí

a) Tiêu chí dân số trung bình (gọi là A)

Điểm của tiêu chí dân số trung bình:

Cách tính điểm của thành phố Hải Phòng	Số điểm
Từ 0 đến 30.000 người	10
Trên 30.000 đến 50.000 người, từ 0 đến 30.000 người được tính 10 điểm, phần còn lại cứ 4.000 người được tính	2
Trên 50.000 đến 90.000, từ 0 đến 50.000 người được tính 20 điểm, phần còn lại cứ 4.000 được tính	1
Trên 90.000 người, từ 0 đến 90.000 người được tính 30 điểm, phần còn lại cứ 4.000 người được tính	0,5

Quy mô dân số của các địa phương để tính điểm căn cứ vào số liệu của Niên giám Thống kê thành phố Hải Phòng năm 2025 do Thống kê thành phố ban hành.

b) Tiêu chí diện tích (gọi là B) bao gồm diện tích đất, diện tích gieo trồng lúa cả năm và tỷ lệ che phủ rừng của các địa phương.

Điểm của tiêu chí Diện tích đất (gọi là B_1)

Diện tích đất	Số điểm
Các địa phương có diện tích đất từ 0 đến 30 km^2 được tính	8
Các địa phương có diện tích đất trên 30 đến 90 km^2; từ 0 đến 30 km^2 được tính là 8 điểm, phần còn lại cứ 20 km^2 tăng thêm được tính	2
Các địa phương có diện tích đất trên 90 đến 150 km^2, từ 0 đến 90 km^2 được tính là 14 điểm, phần còn lại cứ 20 km^2 tăng thêm được tính	1
Các địa phương có diện tích đất trên 150 km^2, từ 0 đến 150 km^2 được tính là 17 điểm, phần còn lại cứ 20 km^2 tăng thêm được tính	0,5

Diện tích đất của các địa phương để tính điểm căn cứ vào số liệu của Niên giám Thống kê thành phố Hải Phòng năm 2025 do Thống kê thành phố ban hành.

Điểm của tiêu chí Diện tích gieo trồng lúa (gọi là B_2):

Diện tích gieo trồng lúa	Số điểm
Các địa phương có diện tích gieo trồng lúa từ 0 ha đến 1.000 ha	5

Diện tích gieo trồng lúa	Số điểm
Các địa phương có diện tích gieo trồng lúa trên 1.000 ha đến 3.000 ha, từ 0 đến 1.000 ha được tính là 5 điểm, phần còn lại cứ 400 ha tăng thêm được tính	1
Các địa phương có diện tích gieo trồng lúa trên 3.000 ha, từ 0 đến 3.000 ha được tính là 10 điểm, phần còn lại cứ 400 ha tăng thêm được tính	0,5

Diện tích gieo trồng lúa cả năm của các địa phương để tính điểm căn cứ vào số liệu của Niên giám Thống kê thành phố Hải Phòng năm 2025 do Thống kê thành phố ban hành.

Điểm của tiêu chí Tỷ lệ che phủ rừng (tỷ lệ diện tích có rừng/tổng diện tích đất) (gọi là B_3):

Tỷ lệ che phủ rừng	Số điểm
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng từ 0% đến 10%	1
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 10% đến 50%	2
Các địa phương có tỷ lệ che phủ rừng trên 50% trở lên	4

Diện tích có rừng và diện tích đất của từng địa phương làm căn cứ tính điểm được xác định theo số liệu tại Niên giám Thống kê thành phố Hải Phòng năm 2025 do cơ quan Thống kê thành phố Hải Phòng ban hành.

c) Tiêu chí trình độ phát triển (gọi là C)

Điểm của tiêu chí Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều (gọi là C_1)

Tỷ lệ hộ nghèo đa chiều	Số điểm
Trên 0 và đến 1% hộ nghèo được tính	0,2

Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia của các xã, phường, đặc khu để tính điểm căn cứ vào số liệu tại Quyết định số 5366/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc phê duyệt kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn thành phố Hải Phòng năm 2025 theo chuẩn nghèo đa chiều quốc gia giai đoạn 2021-2025.

Điểm của tiêu chí Dự toán thu ngân sách nhà nước theo phân cấp trên địa bàn (gọi là C_2):

Dự toán thu ngân sách nhà nước theo phân cấp trên địa bàn	**Số điểm**
Các địa phương có số thu ngân sách nhà nước theo phân cấp trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, tiền thuê đất và xổ số kiến thiết) từ 0 đến 200 tỷ đồng được tính	20
Các địa phương có số thu ngân sách nhà nước theo phân cấp trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, tiền thuê đất và xổ số kiến thiết) trên 200 tỷ đồng đến 2.000 tỷ đồng được tính	15
Các địa phương có số thu ngân sách nhà nước theo phân cấp trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, tiền thuê đất và xổ số kiến thiết) trên 2.000 tỷ đồng đến 4.000 tỷ đồng được tính	10
Các địa phương có số thu ngân sách nhà nước theo phân cấp trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, tiền thuê đất và xổ số kiến thiết) trên 4.000 tỷ đồng được tính	5

Số liệu dự toán thu ngân sách nhà nước theo phân cấp trên địa bàn (không bao gồm số thu từ sử dụng đất, tiền thuê đất và xổ số kiến thiết) của các địa phương trên địa bàn thành phố để tính điểm căn cứ vào số liệu của Nghị quyết số 69/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố về dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn; thu, chi ngân sách địa phương và phân bổ ngân sách địa phương năm 2026.

d) Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đặc khu (gọi là D)

Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đặc khu	**Số điểm**
Mỗi đơn vị hành chính cấp xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đặc khu được tính	0,2

Tiêu chí đơn vị hành chính cấp xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đặc khu để tính điểm căn cứ vào Quyết định số 803/QĐ-BDTTG ngày 20/9/2026 của Ban Dân tộc và Tôn giáo và số liệu đơn vị hành chính đặc khu

thành phố căn cứ theo Niên giám Thống kê thành phố Hải Phòng năm 2025 do Thống kê thành phố ban hành.

4. Phương pháp tính mức vốn bổ sung có mục tiêu phân bổ

Căn cứ vào các tiêu chí và cách tính điểm mỗi tiêu chí cụ thể của các xã, phường, đặc khu theo quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này; mức vốn bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã giai đoạn 2026-2030 được tính theo công thức sau:

a) Số điểm của tiêu chí diện tích:

$$Bi = B_1i + B_2i + B_3i$$

Trong đó:

- Bi là tổng điểm Tiêu chí diện tích của mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

- B_1i là điểm Tiêu chí diện tích đất của mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

- B_2i là điểm Tiêu chí diện tích gieo trồng lúa của mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

- B_3i là điểm Tiêu chí tỷ lệ che phủ rừng của mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

b) Số điểm của tiêu chí trình độ phát triển:

$$Ci = C_1i + C_2i$$

Trong đó:

- Ci là tổng điểm Tiêu chí trình độ phát triển mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

- C_1i là Tiêu chí tỷ lệ hộ nghèo đa chiều của mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

- C_2i là Tiêu chí dự toán thu ngân sách nhà nước theo phân cấp trên địa bàn của mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

c) Số điểm của xã, phường và đặc khu thứ i là X_i:

$$Xi = Ai + Bi + Ci + Di$$

Trong đó:

- Ai là điểm Tiêu chí dân số của mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

- Bi là tổng điểm Tiêu chí diện tích của mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

- Ci là tổng điểm Tiêu chí trình độ phát triển mỗi xã, phường và đặc khu thứ i.

- Di là điểm Tiêu chí về đơn vị hành chính cấp xã có thôn vùng đồng bào dân tộc thiểu số và đặc khu i.

d) Tổng số điểm của các xã, phường, đặc khu được tính theo:

- Tổng số điểm của các xã, phường, đặc khu là Y:

$$Y = \sum_{i=1}^{113} Xi$$

đ) Số vốn định mức cho một điểm phân bổ vốn đầu tư công cho ngân sách cấp xã gọi là W:

$$W = Z/Y$$

Trong đó:

Z là tổng số bổ sung có mục tiêu vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã trong giai đoạn 2026-2030.

e) Số vốn bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn đầu tư công nguồn ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã thứ i là V_i:

$$Vi = W \times X_i$$

Điều 5. Định mức hỗ trợ bổ sung có mục tiêu từ nguồn vốn đầu tư công ngân sách thành phố Hải Phòng cho ngân sách cấp xã giai đoạn 2026-2030 ngoài tiêu chí và định mức đã nêu tại Điều 4

1. Số điểm này sẽ làm cơ sở để tính mức vốn bổ sung có mục tiêu phân bổ cho các địa phương và các địa phương sẽ chủ động quyết định chủ trương đầu tư, quyết định đầu tư và phân bổ số vốn trên cho phù hợp với tình hình thực tế của địa phương.

2. Ngoài ra, cần bổ sung thêm số điểm không quá 20% tổng số điểm đã tính cho các địa phương theo các tiêu chí và cách tính điểm trên để có nguồn lực bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã trong giai đoạn 2026 - 2030.

a) Mục đích, đối tượng sử dụng nguồn bổ sung có mục tiêu từ số điểm ngoài số điểm đã tính cho các địa phương theo 04 tiêu chí trên:

Hỗ trợ thực hiện một số chương trình, dự án quan trọng, có ý nghĩa lớn đối với phát triển kinh tế - xã hội, nhiệm vụ cụ thể của địa phương mà nguồn thu tiền sử dụng đất điều tiết ngân sách xã và nguồn ngân sách thành phố bổ sung có mục tiêu cho ngân sách cấp xã theo cách tính điểm của 04 nhóm tiêu chí đã nêu tại mục trên không đảm bảo.

Thực hiện các chương trình mục tiêu quốc gia và các chương trình, dự án khác của thành phố phần giao cho cấp xã thực hiện.

Hỗ trợ chi khắc phục thiên tai, thảm họa, dịch bệnh vượt quá khả năng cân đối của ngân sách cấp dưới.

b) Thẩm quyền sử dụng nguồn vốn này: Hàng năm, khi phát sinh đối tượng cần sử dụng nguồn trên, Ủy ban nhân dân thành phố báo cáo Hội đồng nhân dân thành phố quyết định bổ sung có mục tiêu từ ngân sách thành phố cho ngân sách cấp xã để thực hiện từng công trình cụ thể. Ủy ban nhân dân cấp xã báo cáo xin ý kiến Ủy ban nhân dân thành phố trước khi quyết định chủ trương và quyết định đầu tư các dự án sử dụng nguồn vốn này.

Điều 6. Tổ chức thực hiện

1. Giao Ủy ban nhân dân thành phố chỉ đạo và tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân thành phố, các ban của Hội đồng nhân dân thành phố, các tổ đại biểu, đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố giám sát việc thực hiện Nghị quyết.

3. Căn cứ Kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm được Ủy ban nhân dân thành phố giao, Ủy ban nhân dân cấp xã trình Hội đồng nhân dân cấp xã phân bổ kế hoạch đầu tư công trung hạn, hằng năm cho từng chương trình, nhiệm vụ, dự án theo quy định.

Điều 7. Điều khoản thi hành

Nghị quyết này thay thế cho Nghị quyết số 32/2025/NQ-HĐND ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân thành phố.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng khóa XVII, kỳ họp thứ thông qua ngày tháng năm 2026 và có hiệu lực thi hành kể từ ngày tháng năm 2026./.

Nơi nhận:
- UBTVQH, Chính phủ;
- Các VP: Quốc hội, Chính phủ;
- Ban Công tác đại biểu - UBTVQH;
- Bộ Tài chính;
- Cục KTVBQPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Kế hoạch và Đầu tư;
- TTTU, TT HĐND, UBND TP;
- Đoàn ĐBQH HP;
- Uỷ ban MTTQVN TP;
- Các Ban của HĐND TP;
- Đại biểu HĐND TP khoá XVI;
- Các VP: TU, ĐĐBQH, UBND TP;
- Các Sở, ngành thành phố;
- TT cấp ủy, TT HĐND, UBND các quận, huyện, thành phố Thủy Nguyên;
- Công báo HP, Cổng TTĐT TP (để đăng);
- Các CV VP ĐĐBQH và HĐND TP;
- Lưu: VT, HS kỳ họp.

CHỦ TỊCH